

Bản án số: 01/2018/TCDS-ST
Ngày 13/6/2018
V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông: Trần Đình Vỹ

2, Ông: Ngô Văn Hoàn

Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn An - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên toà: Bà
Triệu Thị Biển - Kiểm sát viên

Ngày 13/6/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: : 06/2017/TLST- TCDS ngày 24 tháng 11 năm 2017
Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
01/2018/ QĐXX- ST ngày 03 tháng 5 năm 2018. Giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Triệu Văn T là người được ông Triệu Văn Ph, uỷ quyền
khởi kiện và tham gia tố tụng tại Toà đến khi kết thúc vụ án.

Địa chỉ: Cầu L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

2- Bị đơn: Triệu Văn S và Triệu Văn P

Cùng trú tại: Khuổi C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng

3- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Triệu Văn S và Triệu
Văn Ph: Bà Hà Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý
tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có
mặt tại phiên toà.

Người làm chứng:

Triệu Văn L; Triệu Xuân H

Cùng trú tại: Khuổi C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Triệu Văn H; Triệu Văn Đ; Triệu Văn S

Cùng trú tại: Cầu Lặn, xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên toà.

Triệu Văn Vạng

Trú tại: Khuổi Chăn, xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Triệu Văn T trình bày: Gia đình ông có thửa đất rừng có tên gọi là Khuổi M, xã Đ, huyện T, gia đình ông đã quản lý, sử dụng liên tục, đến năm 1995 đã được UBND huyện T giao đất theo quyết định số 100/QĐ/UB, ngày 21 tháng 10 năm 1995. "Về việc giao rừng và đất Lâm nghiệp để quản lý bảo vệ rừng và phát triển sản xuất kinh doanh về Lâm nghiệp". Đến năm 2004 Nhà nước cho phép các hộ dân kê khai đất để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bố ông là ông (Triệu Văn Ph đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 07 tháng 10 năm 2004 và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14 tháng 4 năm 2006 thửa đất số: 134, tờ bản đồ số: 3, diện tích 99570,0 m². Đến năm 2016 đã xảy ra tranh chấp cụ thể gia đình ông Triệu Văn S và triệu Văn P đã tự ý phát rừng trồng Ngô và trồng cây Thạch đen, trồng quế, sự việc này ông đã có đơn yêu cầu xã Đ hoà giải quyết nhưng không thành, nên ông đã khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện T yêu cầu hai hộ gia đình ông Triệu Văn S và ông Triệu Văn P trả lại đất cho ông và ông có yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất rừng mà gia đình ông đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, yêu cầu ông Triệu Văn S chuyển toàn bộ số cây quế mà gia đình ông Say đã trồng trên diện tích đất đang có tranh chấp đi trồng nơi khác, phần diện tích đất trồng cây thạch đen đến vụ thu hoạch cây thạch xong (năm 2018) thì phải trả lại đất cho gia đình ông T và yêu cầu ông P thu hoạch xong vụ ngô (năm 2018) phải trả lại đất cho gia đình ông, để gia đình ông sử dụng đất trồng cây Lâm nghiệp đúng như mục đích sử dụng đất mà UBND huyện T đã giao. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Triệu Văn S trình bày: Gia đình ông có diện tích đất rừng do bố ông là Triệu Văn L đã phát rừng canh tác trồng ngô từ năm 1977 sau đó đã chia cho hai anh em là (S và P) quản lý canh tác cho đến nay, hiện gia đình ông vẫn canh tác trồng ngô và cây Thạch đen (phần diện tích đất trồng ngô gia đình ông đã trồng cây quế năm 2016). Trên diện tích đất đang bị tranh chấp gia đình ông đã bỏ công cải tạo gom đá thành đồng và có san một nền đất để dựng lán. Nhưng diện tích đất này gia đình ông không có giấy tờ chứng minh là đất của gia đình mình, năm 1995 cũng không được UBND huyện T giao đất, đến năm 2004 khi Nhà nước cho phép các hộ gia đình kê khai đất để cấp GCNQSD đất gia đình ông cũng không kê khai vì cán bộ địa chính nói ít không bỏ một nét bút trên bản đồ, do vậy ông không kê khai, gia đình ông vẫn canh tác. Đến năm 2016 ông T không cho canh tác nữa nên lại xảy ra tranh chấp. Sự việc này đã được UBND

xã Đ hoà giải, giải quyết nhưng không thành. Nay ông T có yêu cầu gia đình ông trả lại diện tích đất mà hiện nay đang có tranh chấp, yêu cầu gia đình tôi chuyển toàn bộ số cây quế mà gia đình tôi đã trồng năm 2016 và có yêu cầu khi thu hoạch vụ Thạch đen xong (năm 2018) thì trả lại đất cho ông T, tôi không nhất trí, tôi yêu cầu Toà án giải quyết để gia đình tôi được quyền quản lý diện tích đất mà gia đình tôi đang trồng cây Thạch đen, trồng ngô và cây quế, trong tổng diện tích đất rừng mà gia đình ông T đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất năm 2006. Ngoài ra tôi không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Triệu Văn Pham trình bày: Gia đình ông có diện tích đất rừng do bố ông là Triệu Văn L đã phát rừng canh tác trồng ngô từ năm 1977 sau đó đã chia cho hai anh em là (S và P) quản lý canh tác cho đến nay, gia đình ông vẫn canh tác trồng ngô mỗi năm một vụ, hiện nay gia đình ông đang phát mới để trồng ngô. Trên diện tích đất đang có tranh chấp gia đình ông đã bỏ công cải tạo gom đá thành đồng. Nhưng diện tích đất này gia đình ông không có giấy tờ chứng minh là đất của gia đình mình, năm 1995 cũng không được UBND huyện T giao đất, đến năm 2004 khi Nhà nước cho phép các hộ gia đình kê khai đất để được cấp GCNQSD đất gia đình ông cũng không kê khai vì cán bộ địa chính nói diện tích đất ít không bỏ một nét bút trên bản đồ, do vậy ông không kê khai, gia đình ông vẫn canh tác mỗi năm một vụ. Đến năm 2016 ông Tấn không cho canh tác nữa nên lại xảy ra tranh chấp. Sự việc này đã được UBND xã Đ hoà giải, giải quyết nhưng không thành. Nay ông T có yêu cầu gia đình ông thu hoạch xong vụ ngô năm 2018 thì trả lại diện tích đất mà hiện nay đang có tranh chấp ông không nhất trí, ông yêu cầu Toà án giải quyết để gia đình ông được quyền quản lý diện tích đất mà gia đình ông hàng năm vẫn trồng ngô, trong tổng diện tích đất rừng mà gia đình ông T đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất năm 2006. Ngoài ra ông không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp giữa ông T và ông S, ông P căn cứ lời khai người làm chứng và ông S, ông P khi thẩm định đất để cấp GCNQSD đất cơ quan chuyên môn cũng không tách phần diện tích đất canh tác hàng năm cho ông S và ông P ra mà đã giao toàn bộ đất cho hộ ông Triệu Văn Ph (bố ông T). Tại phiên toà mong Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S và ông P được quyền quản lý, sử dụng phần đất đang có tranh chấp (diện tích đất của ông S theo biên bản thẩm định đo được 4561,0 m², ông P gồm 02 thửa diện tích (1) là 2130,6 m²; diện tích (2) là 750,5 m²). Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của kiểm sát viên: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn: Triệu Văn T , bị đơn: Triệu Văn S và Triệu Văn P, tranh chấp đất rừng phòng hộ tại thửa 134, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Khuổi M, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; GCNQSD đất số: AH 692826 do UBND huyện T cấp ngày 14 tháng 4 năm 2006 cho hộ ông Triệu Văn Ph và bà Triệu Thị S, trú tại: Cầu L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Diện tích đất tranh chấp giữa ông T và ông S theo kết quả thẩm định tại chỗ thửa đất, đo được 4561,5 m², ông S đã phát trồng ngô, Thạch đen, cây quế.

Diện tích đất tranh chấp giữa ông T và ông P theo kết quả thẩm định tại chỗ thửa đất, đo được là: $2130,6 \text{ m}^2 + 750,5 \text{ m}^2 = 2881,1 \text{ m}^2$, trên đất trồng ngô, cây Thạch đen.

Quan điểm giải quyết vụ án: HĐXX căn cứ điều 8, 203 của Bộ luật dân sự, Điều 5, 99, khoản 4 Điều 100, khoản 3 Điều 136 luật đất đai để giải quyết đối với vụ án trên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 Toà án nhân dân huyện T đã tiến hành hoà giải nhưng không mang lại kết quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc thửa đất, quá trình quản lý, sử dụng: Thửa đất rừng tại tờ bản đồ số 3, thửa số 134, diện tích 99570,0 m², mà Triệu Văn S và Triệu Văn P tranh chấp với Triệu Văn T đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 692836 cấp ngày 14 tháng 4 năm 2006, đứng tên hộ ông Triệu Văn Ph và bà Triệu Thị S, mục đích sử dụng là đất rừng phòng hộ, đến năm 2016 xảy ra tranh chấp ông S và ông P đã phát rừng làm nương trồng ngô, trên diện tích trồng ngô năm 2016 ông Say đã trồng cây quế và phần còn lại trồng cây Thạch đen.

Tứ cận thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3, diện tích 99570,0 m² tiếp giáp:

Phía đông giáp khe nước chảy và một phần diện tích của thửa 124 của ông Triệu Văn P và một phần của thửa 143 của ông Triệu Văn H; Phía tây giáp đất địa phận của tỉnh L; Phía nam giáp một phần diện tích thửa 143 của ông Triệu Văn H; Phía Bắc giáp thửa đất 133 của ông Triệu Văn V và một phần diện tích thửa 124 của ông Triệu Văn P.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 Toà án nhân dân huyện T đã xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất là đất rừng tự nhiên tái sinh (chủ yếu là cây vầu xen lẫn có cây thân gỗ), có tổng diện tích là 99570,0 m² thấy:

Triệu Văn S tranh chấp với Triệu Văn T với tổng diện tích 4561,0 m² (đo bằng thước dây), hiện trạng thửa đất diện tích đất này ông S đã trồng ngô và trồng cây thạch đen, phần đất trồng ngô đã thu hoạch ông S đã trồng cây quế khoảng 300 - 400 cây, các gốc cây rừng bị chặt đã khô còn trơ gốc có đường kính gốc khoảng từ 23 cm đến 30 cm và có các đồng đá được gom lại.

Phần đất đang có tranh chấp giữa ông T và ông S có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp khe nước và thửa đất 133 của ông Triệu Văn V, Phía đông, phía nam, phía tây đều nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3.

Triệu Văn P tranh chấp với Triệu Văn T (Diện tích tranh chấp số 1) có tổng diện tích là 2130,6 m² (đo bằng thước dây) hiện trạng diện tích đất đang có

tranh chấp ông P mới phát chủ yếu là cây lau chưa đốt, có 01 cây đu đủ và các đồng đá được gom lại. Tứ cận diện tích đất có tranh chấp giữa ông P và ông T có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa 133 của ông Triệu Văn V, Phía đông, phía nam, phía tây đều nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3.

Triệu Văn P tranh chấp với Triệu Văn T (Diện tích tranh chấp số 2) có tổng diện tích là 750,5 m² (đo bằng thước dây) hiện trạng diện tích đất đang có tranh chấp hiện ông T đang trồng Thạch đen, có 05 gốc cây khô chưa mục có đường kính gốc từ 15 đến 25 cm. Tứ cận diện tích đất có tranh chấp giữa ông P và ông T có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp khe nước và thửa 133 của ông Triệu Văn V, Phía đông, phía nam, phía tây đều nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3 của hộ ông Triệu văn Ph.

Nay ông S và ông P tranh chấp thửa đất số 134 đất lâm nghiệp của hộ gia đình ông Triệu Văn Ph và bà Triệu Thị S (Bố, mẹ đẻ của Triệu Văn T) phát rừng làm nương rẫy ông S và ông P cho rằng diện tích đất hiện đang có tranh chấp là do ông cha để lại, trong quá trình giải quyết vụ án Triệu Văn S và Triệu Văn P khai gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ đời bố ông đến nay, gia đình vẫn canh tác liên tục, đến năm 1994, 1995 khi Nhà nước giao rừng và giao đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất và kinh doanh về lâm nghiệp gia đình ông cũng không được giao và cũng không có văn bản giấy tờ gì để làm căn cứ chứng minh

[2]. Quá trình kê khai đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn có triển khai, thông báo cho các hộ gia đình kê khai. Năm 2004 Nhà nước cho phép các hộ gia đình kê khai đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông S, P cũng không kê khai diện tích đất đang có tranh chấp, do cán bộ địa chính nói diện tích đất ít không bỏ một nét bút trên bản đồ, gia đình Triệu Văn S và Triệu Văn P vẫn canh tác liên tục đến năm 20016 thì xảy ra tranh chấp mới biết diện tích đất mà ông S, ông P đang quản lý sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Văn Ph (bố của ông T) năm 2006 nhằm lẫn cả diện tích trồng cây nông nghiệp của gia đình Triệu Văn S và Triệu Văn P cho ông Triệu Văn Ph.

[2.1]. Đối với Triệu Văn S và Triệu Văn P: Khi Nhà nước thống nhất thực hiện việc giao đất, giao rừng cho các hộ được quyền quản lý, sử dụng đất rừng bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) thấy:

Triệu Văn S đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSD đất và hiện nay đang quản lý, sử dụng 02 thửa đất với tổng diện tích là 246201,0 m², Triệu Văn P đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSD đất và hiện nay đang quản lý, sử dụng 03 thửa đất với tổng diện tích 135925,0 m².

[2.2]. Qua điều tra xác minh xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương các nhân chứng đều cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa hộ ông T, S, P là đất rừng, gia đình ông S, P có phát rừng trồng ngô, Thạch chứ không phải là đất thổ canh canh tác hàng năm, đất bạc màu có bỏ nhưng không biết cụ thể bỏ năm nào sau đó lại phát lại.

[2.3]. Khi tiến hành điều tra xác minh Toà án nhân dân huyện T đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp thấy việc cấp GCNQSD đất không có sự chồng chéo, cấp nhầm lẫn đất rừng với đất canh tác hàng năm khác giữa hộ gia đình này với hộ gia đình khác.

Khi giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện T đã có văn bản số: 199/2018/CV-TA ngày 09 tháng 4 năm 2018 xin ý kiến UBND huyện T về việc cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho hộ ông Triệu Văn Ph (Bố T) ". Thì được UBND huyện T trả lời bằng văn bản số: 209/UBND-TNMT, ngày 23 tháng 4 năm 2018 như sau:

1. Việc cấp GCNQSD đất tại thửa số: 134, tờ bản đồ số 3, diện tích 99570,0m², địa chỉ thửa đất: Khuổi M, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng cho ông Triệu Văn Ph trú tại: Xóm C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng là hoàn toàn đúng theo trình tự quy định của pháp luật đất đai.

2. Khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông Triệu Văn Ph không có sự nhầm lẫn về vị trí thửa đất và số thửa, số tờ bản đồ đúng theo nội dung trong đơn mà ông Ph đã kê khai.

3. Không có sự nhầm lẫn về phần đất trồng cây hàng năm khác (HNK) của hai ông Triệu Văn S và Triệu Văn P cấp cho ông Triệu Văn Ph, năm 2006 UBND huyện T cấp GCNQSD là đất lâm nghiệp, không phải cấp GCNQSD đất nông nghiệp.

4. Khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất UBND huyện T, không nhận được đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai giữa Triệu Văn Ph với Triệu Văn S và Triệu Văn P.

5. Việc hai hộ gia đình Triệu Văn S và Triệu Văn P phát rừng trồng ngô, cây Thạch đen trên đất lâm nghiệp như vậy là sai mục đích sử dụng đất.

6. UBND huyện T đã cấp GCNQSD đất, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3, diện tích 99570,0 m² cho hộ gia đình ông Ph và bà Triệu Thị S địa chỉ: Cầu L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng là đúng theo trình tự thủ tục về đất đai.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Mong Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S được quyền quản lý sử dụng diện tích đất theo kết quả thẩm định, đo đạc 4561,0 m², ông P được quyền quản lý sử dụng diện tích đất theo kết quả thẩm định, đo đạc diện tích 1 là 2130,6 m², diện tích 2 là 750,5 m² là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật đề giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Với những căn cứ như trên việc ông S yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất trồng ngô, trồng cây quế, cây thạch đen với tổng diện tích: 4561,0 m², ông P yêu cầu được quyền quản lý sử dụng tổng diện tích đất: 2881,1 m² trên đất có cây ngô và cây Thạch đen là không có căn cứ pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Triệu Văn T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3, diện tích

99570,0 m² mà ông đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số AH 692836, ngày 14 tháng 4 năm 2006. Đứng tên hộ ông Triệu Văn Ph và bà Triệu Thị S. Yêu cầu hai ông Triệu Văn S và Triệu Văn P không tự ý đến tranh chấp đất và yêu cầu ông Triệu Văn S và ông Triệu Văn P thu hoạch toàn bộ cây thạch đen, ngô và ông S chuyển toàn bộ số cây quế trồng trên đất để trả lại đất cho ông quản lý sử dụng đúng diện tích đất mà gia đình ông đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất năm 2006. để ông trồng cây lâm nghiệp.

Với những căn cứ như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Triệu Văn T là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với hộ ông Triệu Văn P là hộ nghèo năm 2018 của xã Đ, huyện T, theo giấy xác nhận số: 151/GCN-HN-HCN, ngày 28 tháng 5 năm 2018.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ pháp luật: Điểm 203 của Bộ luật dân sự; Khoản 1, Điều 203; Khoản 3 Điều 136; Điểm b Khoản 1 Điều 100; Điều 99; Khoản 5 Điều 26; Điều 5 của Luật đất đai.

[2]. Nay xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Triệu Văn T là người được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3 (đất rừng xã Đ, huyện T), diện tích 99570,0 m². Địa chỉ thửa đất Khuổi M, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng mà ông Triệu Văn Ph (Bố Triệu Văn T) đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số: AH 692836, ngày 14 tháng 4 năm 2006, đứng tên hộ ông Triệu Văn Ph và bà Triệu Thị S, địa chỉ: Cầu L, xã Đ, huyện Th, tỉnh Cao Bằng.

Tứ cận thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3, diện tích 99570,0 m² như sau:

Phía đông giáp khe nước chảy và một phần diện tích của thửa 124 của ông Triệu Văn P và một phần của thửa 143 của ông Triệu Văn H; Phía tây giáp đất địa phận của tỉnh L; Phía nam giáp một phần diện tích thửa 143 của ông Triệu Văn H; Phía Bắc giáp thửa đất 133 của ông Triệu Văn V và một phần diện tích thửa 124 của ông Triệu Văn P.

[2.2]. Bác yêu cầu của ông Triệu Văn S yêu cầu được quyền quản lý sử dụng 4561,0 m² đất (Đo thủ công bằng thước dây) nằm trong tổng diện tích đất rừng mà ông Ph (bố T) đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất năm 2006.

Diện tích đất mà hiện nay ông S tranh chấp với ông T có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp khe nước và thửa đất 133 của ông Triệu Văn V, Phía đông, phía

nam, phía tây đều nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3 của hộ ông Triệu Văn Ph.

[2.3]. Bác yêu cầu của ông Triệu Văn P yêu cầu được quyền quản lý sử dụng 2130,6 m² (đo bằng thước dây). Tứ cận diện tích đất tranh chấp có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa 133 của ông Triệu Văn V, Phía đông, phía nam, phía tây đều nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3 và 750,5 m² (đo bằng thước dây). Tứ cận diện tích đất tranh chấp có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp khe nước và thửa 133 của ông Triệu Văn V, Phía đông, phía nam, phía tây đều nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 3 của hộ ông Triệu Văn Ph.

[2.4]. Buộc ông Triệu Văn S chuyển toàn bộ số cây quế đang trồng trên đất đi trồng nơi khác và thu hoạch toàn bộ số cây thạch đen (năm 2018) và buộc ông Triệu Văn P thu hoạch toàn bộ vụ ngô (năm 2018) để trả lại đất cho ông Ph (bố ông T). Phải chấm dứt việc phát và canh tác trên đất rừng mà ông Triệu Văn Ph đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất năm 2006 mà dẫn đến vi phạm pháp luật.

[3]. Về án Phí:

[3.1]. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, 2, Điều 26; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Triệu Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Ông Triệu Văn P được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất:

Căn cứ vào các điều 155, 156, 157 và Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng chi phí xem xét thẩm định là 750.000,đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc các bị đơn phải có trách nhiệm trả cho ông Triệu Văn T khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất:

Đối với Triệu Văn S phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Triệu Văn T số tiền là: 375.000,đ (Ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Đối với Triệu Văn P phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Triệu Văn T số tiền là: 375.000,đ (Ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Trần Đình Vỹ

Nguyễn Thị Hằng

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương